

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thanh Hoá nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ, với tổng diện tích tự nhiên là 11.131,9 km²; dân số gần 3,5 triệu người với 07 dân tộc, mật độ dân số trung bình là 328 người/km², phân bố dân cư không đều giữa các vùng trong tỉnh; cơ cấu bộ máy gồm 20 Sở, ban, ngành cấp tỉnh (16 sở, 04 ban, ngành cấp tỉnh); có 27 đơn vị hành chính: 1 thành phố, 2 thị xã và 24 huyện, trong đó có 11 huyện miền núi; toàn tỉnh có 07/63 huyện nghèo của cả nước; có 637 đơn vị hành chính cấp xã với 6.031 thôn, bản, phố. Hệ thống tổ chức sự nghiệp công lập gồm: 16 đơn vị sự nghiệp đào tạo; 2.170 đơn vị sự nghiệp giáo dục; 708 đơn vị sự nghiệp y tế và 120 đơn vị sự nghiệp khác. Tính đến tháng 9/2015, toàn tỉnh có 78.428 cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế do UBND tỉnh quản lý, trong đó: có 4.357 cán bộ, công chức hành chính; 60.562 viên chức sự nghiệp và 13.609 cán bộ công chức cấp xã (gồm 6.672 cán bộ, 6.937 công chức).

Trong những năm qua, tuy còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu giành được những thành tựu quan trọng và tương đối toàn diện trên các lĩnh vực. Kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, kết cấu hạ tầng được tăng cường; văn hoá xã hội có chuyển biến tiến bộ; chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác PCTN, lãng phí được đề cao; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm, đổi mới; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc; củng cố được lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ, tạo thế và lực mới cho tỉnh phát triển nhanh và bền vững hơn trong những năm tới.

Tỉnh Thanh Hóa đang thực hiện nhiều biện pháp thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. Trong quá trình thực hiện khó tránh khỏi sai sót và sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi trước mắt của một số cá nhân... Vì thế, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, đặc biệt chú trọng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ tăng cường đầu tư, phát triển sản xuất gắn với bảo đảm an ninh xã hội, giữ vững ổn định tình hình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

Sau khi Luật PCTN có hiệu lực, Thanh Hóa luôn quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt việc quán triệt, phổ biến Luật PCTN; Luật sửa đổi, bổ sung Luật PCTN và các Nghị định hướng dẫn thi hành; chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020; công ước liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng; toàn tỉnh đã tổ chức 548 hội nghị tuyên truyền pháp luật về PCTN, cho 66.430 lượt đại biểu là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, công chức, viên chức, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên, trưởng các tổ chức chính trị ở cơ sở. Thông qua các hội nghị đã tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối của đảng, pháp luật của nhà nước, góp phần nâng cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân đối với công tác PCTN;

Đã biên soạn và phát hành hơn 100.000 tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền pháp luật; 10.000 cuốn tài liệu, hỏi đáp pháp luật phòng chống tham nhũng, 500 cuốn tài liệu hỏi đáp pháp luật khiếu nại, tố cáo; 500 cuốn đề cương giới thiệu Luật phòng, chống tham nhũng cấp phát cho cán bộ, nhân dân ở 637 xã thuộc 27 huyện, thị xã, thành phố. Các tài liệu tờ gấp pháp luật được biên soạn có hình thức, nội dung phong phú, đa dạng, cụ thể, dễ đọc, dễ hiểu với nhiều nội dung liên quan đến phòng chống tham nhũng; phát hành 48.000 cuốn bản tin Tư pháp có nội dung thông tin về phòng chống tham nhũng; phát hành 27 đĩa DVD tuyên truyền pháp luật PCTN cho 27 huyện, thị xã, thành phố;

Bên cạnh đó còn nhiều các hình thức tuyên truyền như: Đăng thông tin pháp luật về phòng chống tham nhũng trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, các ngành, các cấp; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về phòng chống tham nhũng; xây dựng tủ sách pháp luật ở đơn vị xã, phường, thị trấn...

Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp Đài PTTH Thanh Hóa và Báo Thanh Hóa xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về công tác PCTN phát trên kênh truyền hình Thanh Hoá và đăng tải trên Báo Thanh Hoá, bắt đầu từ tháng 3/2014, bước đầu mỗi tháng một chuyên mục, từ tháng 3/2015 đến nay đã tăng thời lượng mỗi tháng lên 02 chuyên mục. Ngoài ra, Thanh tra tỉnh Thanh Hóa cung cấp Báo Thanh tra miễn phí cho tất cả các xã thuộc 11 huyện miền núi, các xã đặc biệt khó khăn.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Luật PCTN

a) Kết quả thực hiện

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa luôn quan tâm chỉ đạo, thực hiện công tác PCTN trên địa bàn tỉnh, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo dưới nhiều hình thức như:

- Quan tâm thực hiện việc thành lập, kiện toàn các tổ chức thực hiện chức năng phòng, chống tham nhũng: Thành lập Phòng Thanh tra chống tham nhũng thuộc Thanh tra tỉnh; Thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh Thanh Hoá.

- Phê duyệt Kế hoạch hành động của UBND tỉnh Thanh Hoá về phòng, chống tham nhũng; ban hành Kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN và Công ước của Liên hợp quốc về PCTN trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân đến năm 2016”; ban hành Chỉ thị về việc tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; ban hành Quyết định quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác PCTN trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; thực hiện tốt công tác báo cáo định kỳ theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

b) Nhận xét, đánh giá

Nhìn chung, việc xây dựng hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN trên địa bàn tỉnh cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nhằm phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, bước đầu đã đem lại hiệu quả tích cực trong việc triển khai, thực hiện các quy định về PCTN, các văn bản sau khi ban hành được triển khai kịp thời đến các đơn vị, địa phương.

Tuy nhiên vẫn còn những tồn tại, bất cập đó là:

- Việc ban hành các văn bản chưa có tính hệ thống và thiếu sự gắn kết giữa các cấp, các ngành trong tỉnh.

- Vẫn còn địa phương, đơn vị lúng túng, gặp khó khăn khi triển khai, thực hiện một số văn bản quy định về PCTN.

- Việc tổ chức, triển khai thực hiện một số giải pháp phòng ngừa còn hạn chế, hiệu quả chưa cao, thực hiện chưa triệt để như: Việc kê khai, minh bạch tài sản thu nhập; chuyển đổi vị trí công tác...

3. Mô hình tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng và sự phối hợp công tác giữa các cơ quan PCTN

Cùng với việc thành lập Ban chỉ đạo tỉnh và Văn phòng Ban chỉ đạo tỉnh về PCTN, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành Công an, Kiểm sát, Thanh tra,

Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương tiến hành kiện toàn tổ chức bộ máy PCTN, bố trí những cán bộ có phẩm chất, năng lực làm công tác chống tham nhũng.

Năm 2007, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định thành lập Phòng thanh tra chống tham nhũng thuộc Thanh tra tỉnh; hầu hết các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh đều thành lập Ban Chỉ đạo về PCTN do chủ tịch UBND huyện, giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành làm trưởng ban chỉ đạo, chánh thanh tra làm phó trưởng ban thường trực và các thành viên là trưởng các phòng, ban, ngành có liên quan; tăng cường công tác giám sát của các cơ quan dân cử; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng và quần chúng nhân dân trong PCTN, lãng phí.

Năm 2013, Ban Nội chính Tỉnh uỷ được tái lập; bộ phận BCĐ PCTN tỉnh sát nhập về Ban Nội chính. Ngay sau khi thành lập, đi vào hoạt động, Ban Nội chính Tỉnh uỷ đã chủ trì, tổ chức giao ban định kỳ với các ngành trong khối nội chính của tỉnh, để nắm bắt tình hình, tham mưu cho Tỉnh uỷ chỉ đạo công tác nội chính và PCTN; Tháng 4/2014 Ban Nội chính Tỉnh uỷ chủ trì phối hợp với Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Đài PTTH tỉnh và Báo Thanh Hoá xây dựng và ký kết quy chế phối hợp trong công tác PCTN. Các cơ quan chuyên trách Thanh tra, Công an, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ PCTN theo kế hoạch công tác được phê duyệt; định kỳ, thực hiện tốt chế độ cung cấp, trao đổi thông tin về PCTN; từ năm 2013 đến nay, tất cả các kết luận thanh tra, giải quyết tố cáo của Thanh tra tỉnh đều gửi cho Ban Nội chính Tỉnh uỷ, UBKT Tỉnh uỷ, Công an tỉnh và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh để nghiên cứu, phối hợp chỉ đạo xử lý các khuyết điểm, sai phạm.

4. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Công tác cải cách hành chính góp phần phòng ngừa tham nhũng.

- Thực hiện việc rà soát, đánh giá, đơn giản hoá, công khai minh bạch thủ tục hành chính (TTHC), tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp liên quan đến giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước; đánh giá tác động của các quy định về TTHC có trong dự thảo; công bố kịp thời, đúng quy định TTHC mới ban hành và công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh là 1.816 thủ tục; trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh là 1.341; cấp huyện là 270; cấp xã là 205 thủ tục. Việc công khai TTHC được thực hiện theo các hình thức: niêm yết tại trụ sở làm việc (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả), trên Website của cơ quan, cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh...; 100% cơ quan

hành chính nhà nước (20 sở, ngành, 27 đơn vị UBND cấp huyện, 637 đơn vị UBND cấp xã) đã thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (kế hoạch đến năm 2015 đạt mục tiêu này); Mức độ hài lòng của tổ chức công dân, doanh nghiệp (qua khảo sát của Ngân hàng thế giới tại Việt Nam và Sở Nội vụ năm 2014) trong việc cung cấp một số dịch vụ hành chính công là 82,8%.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các sở, ngành và UBND cấp huyện theo đúng Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ trước đây và các Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 24/4/2014, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ hiện nay. Việc phân cấp quản lý nhà nước theo Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND ngày 02/3/2007 đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các ngành, các cấp.

- Đẩy mạnh, ứng dụng CNTT, nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008, đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất cơ quan hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đến nay 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được đầu tư xây dựng mạng LAN và triển khai cài đặt phần mềm quản lý hồ sơ công việc; 272 đơn vị cấp xã đã có kết nối Internet và 95 đơn vị đã xây dựng mạng LAN. Hoàn thành việc tích hợp tới tất cả các Website thành phần tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, đảm bảo cung cấp dịch vụ công ở mức độ 2 và 39 dịch vụ hành chính công được thực hiện ở mức độ 3; 71 cơ quan hành chính nhà nước triển khai thực hiện và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 và ISO 9001:2008. Nhìn chung, công tác cải cách hành chính luôn được các cấp, các ngành quan tâm; hàng năm đều có kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện; kết quả cải cách hành chính trên các mặt đều đạt hoặc vượt chỉ tiêu so với kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và những năm trước đây.

b) Thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ;

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Quyết định 957-QĐ/TU, ngày 28/4/2008, quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ; các cấp ủy Đảng xây dựng qui hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý thời kì 2007 - 2010 và 2011 - 2015. Hàng năm rà soát, đánh giá, bổ sung qui hoạch. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện đúng quy trình hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Tỉnh uỷ. Thực hiện công khai, dân chủ trong công

tác tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật; đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý cán bộ.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND về quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ. Hàng năm tổ chức thi tuyển công chức dự bị cho các ngành, các huyện; đồng thời chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, điều động cán bộ, công chức, viên chức của các ngành, các huyện, thị xã, thành phố. Đến nay, nhiều đơn vị cấp sở, cấp huyện đã thực hiện nghiêm việc công khai dân chủ trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức.

Tuy nhiên, công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý; tuyển dụng, điều chuyển giáo viên ở một số huyện, ngành vẫn còn biểu hiện thiếu công khai, dân chủ, nhất là vào thời điểm kết thúc nhiệm kì. Để tránh việc tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ không đảm bảo tiêu chuẩn, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Đầu năm học 2011-2012 dư luận bức xúc về việc tuyển dụng, điều chuyển giáo viên ở các huyện, thị xã, thành phố. Chủ tịch UBND tỉnh đã có văn bản yêu cầu tạm dừng việc tuyển dụng, điều chuyển giáo viên và giao cho Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục - đào tạo xây dựng quy chế về việc điều động, chuyển chuyển, tiếp nhận và tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trình UBND tỉnh xem xét, ban hành. Ngày 27/7/2015, Chủ tịch UBND tỉnh có Văn bản số 7369/UBND-THKH, tạm dừng việc tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức và việc bổ nhiệm các chức danh trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Trong những năm gần đây, UBND tỉnh đã tổ chức các kỳ thi tuyển công chức vào các cơ quan hành chính nhà nước; việc tổ chức thi tuyển được công bố công khai, công tác triển khai đảm bảo chặt chẽ có sự tham gia của nhiều cơ quan đơn vị và mời Bộ Nội vụ giám sát quá trình thi tuyển, qua đó đã tạo được môi trường công bằng, lành mạnh trong việc tuyển dụng công chức, lựa chọn được những công chức có năng lực, trình độ, có chất lượng.

Phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng, tăng cường công tác quản lý của Nhà nước trong việc tuyển dụng, tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ vào thời điểm nhạy cảm, được dư luận nhân dân đồng tình ủng hộ và đánh giá cao.

c) Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức;

Tổng số cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã xây dựng Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác gồm: 32 sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; 27 huyện, thị xã, thành phố; 629 cơ quan, đơn vị thuộc sở; 152 xã, phường, thị trấn.

Hàng năm, các cơ quan, đơn vị đã căn cứ vào danh mục vị trí công tác phải thực hiện chuyển đổi, thời gian công tác của công chức, viên chức và điều kiện cụ thể của cơ quan, đơn vị để xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ; nhiều cơ quan, đơn vị đã công khai Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo qui định.

Kết quả thực hiện: Tổng số cán bộ công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch: 6.008 người; đã chuyển đổi vị trí công tác: 4.890 người, đạt 82% (gồm: công chức: 1.469 người; viên chức: 3.421 người); số chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: 1.118 người (gồm: công chức: 550 người; viên chức: 568 người), do một số đang còn trong thời hạn kế hoạch chuyển đổi và 1 số trường hợp khó triển khai thực hiện, không có người thay thế do đặc thù chuyên môn, nghề nghiệp...

Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức đã tạo điều kiện để người đứng đầu các cơ quan, đơn vị bố trí hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị; hạn chế tình trạng những nhiều của cán bộ, công chức, viên chức đối với tổ chức, công dân; cán bộ, công chức, viên chức có điều kiện học hỏi, hiểu biết nhiều lĩnh vực chuyên môn trong cơ quan, đơn vị; tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức, vai trò, trách nhiệm của CBCC, góp phần hạn chế những nhiều, phòng ngừa tham nhũng.

d) Công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về các lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; công khai, minh bạch trong thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước.

- UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án; đấu thầu dự án, đấu giá đất để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; thực hiện bồi thường GPMB các dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, cụ thể: xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

- Ngày 08/7/2013, UBND tỉnh có Quyết định số 2360/QĐ-UBND công bố bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo đó, thủ tục hành chính thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất đã giảm từ 29 thủ tục năm 2010 xuống còn 06 thủ tục; thời gian giải quyết thủ tục giảm từ 20 ngày làm việc (theo quy định của pháp luật đất đai) xuống còn 14 ngày làm việc.

- Quá trình tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện công khai, minh bạch; từ việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân đối với quy hoạch sử dụng đất chi tiết được thực hiện đúng quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, đến phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc thẩm định, phê duyệt. Việc lập quy hoạch là căn cứ để các cấp, các ngành nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, khắc phục tình trạng tùy tiện trong giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn; đồng thời là cơ sở để giám sát việc thực hiện quy hoạch, góp phần ngăn chặn có hiệu quả việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền, không đúng quy hoạch được duyệt.

- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo chính xác, đúng trình tự, thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đã gắn với việc đo đạc bản đồ và lập hồ sơ địa chính; việc công bố công khai danh sách các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định. Các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi được giao đất, cho thuê đất, không phải tách thành các thủ tục riêng biệt; thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giảm từ 50 ngày làm việc (quy định của pháp luật đất đai) xuống còn 23 ngày làm việc.

- Sở Tài nguyên và Môi trường công bố công khai toàn bộ tài liệu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Thanh Hóa tại trụ sở làm việc của Sở và trên website của Sở. Đồng thời thông báo công bố quy hoạch sử dụng đất đến các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức cá nhân và các tầng lớp nhân dân. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã cũng được niêm yết, công bố công khai đúng quy định.

đ) Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khi có dấu hiệu tham nhũng.

Tổng số vụ việc tham nhũng có liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được phát hiện là 26 vụ việc; đã xử lý trách nhiệm 20 vụ việc, cụ thể:

- Phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: 7 vụ việc (8 đối tượng).

- Phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: 13 vụ việc (13 đối tượng).

- Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp quản lý, phụ trách đã xử lý trách nhiệm: 21 người. Trong đó: xử lý trách nhiệm hình sự: 03 người; xử lý kỷ luật: 18 người.

- Còn lại 06 vụ việc đang trong quá trình xem xét, xử lý.

Việc thực hiện qui định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu theo Nghị định số 107/2006/NĐ-CP và Nghị định số 211/2013/NĐ-CP của Chính phủ có ý nghĩa tích cực trong việc nêu cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị nhà nước trong công tác quản lý, giám sát công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý trực tiếp, nhằm phòng ngừa tham nhũng.

e) Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công (gắn với kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).

UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt việc rà soát, ban hành các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên tất cả các lĩnh vực. Từ năm 2006 đến nay, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành 562 văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn; sửa đổi, bổ sung 218 văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên các lĩnh vực như: quản lý đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách, chế độ quản lý sử dụng phương tiện đi lại, giáo dục đào tạo, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật...

Các cấp, các ngành, đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, khoán định mức ngân sách, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp. Nhiều đơn vị đã chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành nhiều quy chế, quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn áp dụng trong cơ quan, đơn vị; điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm tăng cường chất lượng hoạt động, sử dụng tiết kiệm nguồn vốn nhà nước, hiệu quả tài sản công, nhằm ngăn ngừa tham nhũng.

Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thực hiện thường xuyên. Đã tiến hành 129 cuộc kiểm tra, phát hiện 81 trường hợp vi phạm về định mức, tiêu chuẩn. Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt việc rà soát, xây dựng, thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn, qua đó đã nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản của Nhà nước, góp phần phòng ngừa tham nhũng, lãng phí.

f) Thực hiện các quy định về minh bạch về tài sản thu nhập.

Thanh tra tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện tốt việc kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập; chủ động ban hành nhiều văn bản hướng dẫn,

đôn đốc việc kê khai, tài sản, thu nhập. Kết quả:

- Thực hiện Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 và Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ. Đến hết năm 2012, toàn tỉnh có 72 đơn vị phải thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập. Tổng số người phải thực hiện kê khai là 14.145 người (gồm 4.492 người kê khai lần đầu và 9.653 người kê khai bổ sung). Tổng số đơn vị thực hiện báo cáo 72/72 đơn vị; tổng người đã thực hiện kê khai 13.680 /14.145 người (đạt 96,7%).

- Thực hiện Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ. Kết quả thực hiện kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ công chức viên chức tỉnh Thanh Hoá, như sau:

+ Năm 2013, toàn tỉnh có 86/86 cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh đã thực hiện kê khai tài sản, cụ thể:

++ Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2013 là 23.411 người (tăng 8.614 người so với năm trước, do bổ sung đối tượng phải kê khai);

++ Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2013 là 23.073/23.411 người thuộc diện phải kê khai (đạt 98,56%), gồm: 15.673 người có bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, đơn vị và 7.400 người có bản kê khai thuộc diện cấp ủy các cấp và cấp trên quản lý;

++ Đã công khai 22.010/23.073 bản kê khai (đạt 95,4%), gồm: công khai theo hình thức niêm yết là 4.447 bản (chiếm 20,2%) và công khai theo hình công bố trực tiếp tại cuộc họp là 17.563 bản (chiếm 79,8%).

+ Năm 2014, toàn tỉnh có 81/86 cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thành, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2014 về Thanh tra tỉnh, cụ thể:

++ Số người phải kê khai tài sản, thu nhập năm 2014 là 22.715 người (giảm so với năm trước là 637 người). Nguyên nhân giảm là do đối tượng phải kê khai minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định tại một số doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý và một số đơn vị giảm.

++ Số người đã kê khai tài sản, thu nhập là 22.480/22.715 người (đạt 98,96%) số người phải kê khai.

++ Đã thực hiện công khai là 21.805/22.480 bản (đạt 97%);

++ Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập: 01 người;

++ Số người đã có kết luận không trung thực trong minh bạch tài sản, thu nhập: 01 người;

++ Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực: 01 người;

Nhìn chung việc kê khai tài sản, thu nhập được triển khai đảm bảo chất lượng kể cả nội dung và hình thức; các cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh 269 trường hợp kê khai, có 01 trường hợp kê khai sai quy định.

Tháng 5/2014, Thanh tra Chính phủ kiểm tra việc triển khai thực hiện kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập tại một số cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh. Qua kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện của UBND tỉnh tương đối kịp thời, nghiêm túc.

g) Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của CBCC. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý thông qua công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị; qua thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra, qua giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân.

- Qua theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đã phát hiện nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Theo báo cáo của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị nhà nước vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã phát hiện và xử lý trách nhiệm: 716 trường hợp (gồm: cán bộ: 90 người; công chức: 333 người; viên chức: 261 người; lao động hợp đồng: 32 người).

Hình thức xử lý: Xử lý trách nhiệm hình sự: 15 người; xử lý kỷ luật: 643 người (Khiển trách: 331 người; cảnh cáo: 230 người; hạ bậc lương: 18 người; giáng chức: 03 người; cách chức: 27 người; Buộc thôi việc: 34 người); Số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm chưa đến mức xử lý kỷ luật phải kiểm điểm trách nhiệm: 549 người.

Thông qua việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của CBCC, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị nhà nước trong tỉnh.

h) Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng;

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh đã phối hợp với các ngành, các cấp nắm bắt tình hình tặng quà và nhận quà tại các

cơ quan, đơn vị nhà nước. Qua theo dõi và báo cáo của các cơ quan, đơn vị, chưa phát hiện trường hợp vi phạm việc tặng quà, nhận quà phải xem xét, xử lý.

5. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra.

Từ năm 2006 đến 30/9/2015, toàn tỉnh đã triển khai 1.645 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng đất; quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách; quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản; việc thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ...; Các kết luận thanh tra, sau khi được ban hành, đều được Chủ tịch UBND tỉnh ra văn bản chỉ đạo các đơn vị, tổ chức thực hiện nghiêm túc, báo cáo kết quả thực hiện, đồng thời giao các cơ quan chuyên môn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện. Qua đó, hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra được phát huy, góp phần hạn chế, ngăn ngừa hành vi tham nhũng.

Qua thanh tra phát hiện tổng sai phạm 472,891 tỷ đồng, 321,52 ha đất và 173 tấn gạo cứu đói; kiến nghị thu hồi 130,244 tỷ đồng và 202,1 ha đất; kiến nghị khác 342,647 tỷ đồng và 212,47 ha đất; đã thu hồi và đôn đốc thu hồi được 125,16 tỷ đồng (đạt 96%) và 199 ha đất. Kiến nghị xử lý hành chính 716 tổ chức và 308 cá nhân; đồng thời kiến nghị các cấp có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính của nhiều tập thể, cá nhân có vi phạm. Thanh tra tỉnh đã kiến nghị cấp thẩm quyền nhiều biện pháp nhằm điều chỉnh cơ chế, chính sách; chấn chỉnh trong chỉ đạo, điều hành; xử lý kỷ luật những tập thể, cá nhân có vi phạm.

b) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh trong những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực; đã tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, hạn chế đơn thư vượt cấp, không để phát sinh điểm nóng, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội ở địa phương. Trong 10 năm, các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh đã tiếp 90.763 lượt người khiếu nại, tố cáo; tiếp nhận, xử lý tổng số 20.972 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị. Đã giải quyết 7.106/7.195 vụ

thuộc thẩm quyền, đạt 98,7%; thu hồi gần 48,6 tỷ đồng và kiến nghị thu hồi 28,9 ha đất; kiến nghị xử lý kỷ luật 371 người.

Trong số 1.303 đơn tố cáo đã giải quyết, có 916 đơn tố cáo tham nhũng, qua xem xét giải quyết có 18 vụ có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển hồ sơ xử lý hình sự 41 người.

c) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng trong 10 năm đã có nhiều tiến bộ. Các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử đã chủ động phối hợp trong giải quyết và xử lý dứt điểm các vụ án tham nhũng, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, được dư luận nhân dân đồng tình.

Theo số liệu thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử án tham nhũng trong toàn tỉnh từ năm 2006 đến 30/9/2015 đã thụ lý khởi tố điều tra, truy tố và xét xử 83 vụ, 157 bị can (cấp tỉnh 30 vụ, cấp huyện 48 vụ, VKS tối cao ủy quyền xét xử 05 vụ). Cụ thể:

- Tham ô tài sản 46 vụ, 71 bị can;
- Nhận hối lộ 04 vụ, 09 bị can;
- Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản 10 vụ, 22 bị can;
- Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ 18 vụ, 49 bị can;
- Lạm dụng quyền trong khi thi hành công vụ 02 vụ, 03 bị can;
- Giả mạo trong công tác 03 vụ, 04 bị can.

Qua công tác điều tra, truy tố, xét xử phát hiện số tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng là 6.312,98 triệu đồng. Trong đó số tài sản đã được thu hồi, bồi thường là 4.485,3 triệu đồng (đạt 71%).

Qua số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử cho thấy, trong những năm qua tình hình tội phạm tham nhũng trên địa bàn tỉnh xảy ra trên nhiều lĩnh vực nhưng việc tự kiểm tra phát hiện tham nhũng còn hạn chế.

6. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng.

Việc thu hồi tài sản tham nhũng còn gặp nhiều khó khăn, số tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường còn thấp; công tác đơn đốc thu hồi chưa hiệu quả vì chỉ có thể thực hiện các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng khi có bản án hình sự của tòa án; trong khi quá trình điều tra, truy tố, xét xử là một quá trình kéo dài cộng với việc chưa kiểm soát được tài sản, thu nhập của xã hội cũng là “kẽ hở” để tài sản có nguồn gốc tham nhũng dễ dàng bị tiêu tán, không thể thu hồi được. Bên cạnh đó, việc tự kiểm tra, phát hiện

tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn yếu, một số trường hợp chưa xử lý triệt để, muốn giải quyết nội bộ, không muốn chuyển cơ quan chức năng xem xét để xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động giám sát công tác PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN.

a) Về hoạt động giám sát của cơ quan chức năng.

- Hàng năm, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp xây dựng chương trình giám sát công tác PCTN ở các đơn vị, địa phương. Trong kỳ, Thường trực HĐND tỉnh tiến hành 23 cuộc giám sát chuyên đề, các Ban của HĐND tỉnh tiến hành 79 cuộc giám sát chuyên đề; tập trung giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, nhất là các Nghị quyết về đầu tư phát triển, giải phóng mặt bằng, quản lý sử dụng đất đai, công tác thi hành luật và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Thông qua các đợt giám sát, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và HĐND các cấp phát hiện những bất cập trong cơ chế, chính sách, những yếu kém, tồn tại trong quản lý điều hành, thực thi pháp luật để kiến nghị các cấp, các ngành khắc phục và phòng ngừa tham nhũng. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh đã tổng hợp gửi gần 200 kiến nghị của cử tri và nhân dân tới Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, gần hơn 180 kiến nghị tới Chủ tịch UBND tỉnh.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên tích cực chủ động thực hiện và phối hợp tuyên truyền pháp luật về PCTN, vận động nhân dân thực hiện tốt pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, tích cực giám sát việc đầu tư phát triển của cộng đồng, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc xử lý các vụ tiêu cực tham nhũng. Tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc xây dựng thể chế, tuyên truyền phổ biến pháp luật PCTN và giám sát việc thực hiện. Đã tiến hành giám sát việc tiếp dân của chủ tịch HĐND, UBND cùng cấp; giám sát việc công khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách, tuyển dụng, thuyên chuyển và xử lý cán bộ, công chức có vi phạm; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND cấp xã và trưởng thôn, tổ trưởng dân phố. Mặt khác, tổ chức nhiều hòm thư ở các địa phương để nhân dân tham gia tố cáo phát hiện tiêu cực tham nhũng để kiến nghị tới các cơ quan chức năng giải quyết.

b) Về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm.

Các tổ chức thanh tra trong tỉnh tiến hành 417 cuộc thanh tra, kiểm tra việc trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nhà nước trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, tại 1.357 cơ quan, đơn vị. Qua thanh tra cho thấy, bên cạnh những kết

quả đạt được, vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện tốt các quy định về PCTN, như chưa công khai, minh bạch đầy đủ các hoạt động của đơn vị; chưa thực hiện tốt việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/NĐ-CP và thực hiện chưa kịp thời, đầy đủ các quy định về kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ.

(Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm theo phụ lục số 3)

8. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

Các cơ quan nhà nước đã tăng cường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và trao đổi, cung cấp thông tin về phòng chống tham nhũng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực giám sát nhiều công tác của chính quyền (như việc tiếp công dân, công khai nhiệm vụ, thu chi ngân sách, công tác cán bộ...); tổ chức nhiều hòm thư để nhân dân tham gia tố cáo, phát hiện tham nhũng; tiếp nhận, phân loại đơn thư của công dân để chuyển tải, kiến nghị kịp thời với cơ quan nhà nước, đồng thời giám sát việc giải quyết. Qua hiệp thương bầu cử đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã phát hiện, loại khỏi danh sách những trường hợp vi phạm pháp luật, có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, vi phạm đạo đức lối sống, tín nhiệm thấp... Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã có nghị quyết, xây dựng quy chế phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và một số cơ quan về cơ chế giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tập trung vào giám sát phòng ngừa tham nhũng, giám sát cán bộ, đảng viên ở khu dân cư, đôn đốc hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng.

Các tổ chức thành viên của Mặt trận, nhất là Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động tỉnh đã tích cực tuyên truyền, giáo dục về phòng chống tham nhũng đối với thành viên tổ chức mình và với nhân dân, tham gia xây dựng pháp luật về phòng, chống tham nhũng, giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, phối hợp thực hiện các chương trình công tác trọng tâm của các cấp chính quyền. Nhiều doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề đã có sự chủ động trong công tác phòng, chống tham nhũng như tham gia các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về phòng, chống tham nhũng, đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật, kiến nghị đối với công tác phòng chống tham nhũng. Nhiều doanh nghiệp xây dựng quy tắc ứng xử trong nội bộ, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, cam kết không đưa hối lộ để giành lợi thế kinh doanh.

Các cơ quan báo chí luôn có đóng góp to lớn trong công tác phòng, chống

tham nhũng. Ngoài việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, nhân dân về phòng, chống tham nhũng, các cơ quan báo chí truyền thông còn có nhiều tin bài phản ánh sâu rộng về các vụ việc tham nhũng; lên án mạnh mẽ các hành vi tham nhũng, tiêu cực; kịp thời thông tin tình hình, kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng cũng như biểu dương, động viên những tấm gương điển hình trong phòng, chống tham nhũng. Nhiều tờ báo đã lập chuyên trang, chuyên mục về phòng, chống tham nhũng, thực hiện nhiều phóng sự, bài viết về tham nhũng được dư luận đồng tình và giúp cơ quan chức năng phát hiện, xử lý sai phạm. Nhiều công dân ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình, tích cực hợp tác, cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng về những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, đóng góp sáng kiến, giải pháp; tham gia các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng...

9. Thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và hợp tác quốc tế về PCTN

Sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Cùng với việc thực các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chủ động ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh, tổ chức nghiên cứu, tổ chức triển khai, thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo lộ trình và giai đoạn đã ký kết;

UBND tỉnh đã phê duyệt và triển khai thực hiện đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cử cán bộ, công chức đi đào tạo ở nước ngoài; tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; hằng năm tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm về PCTN với Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Các đơn vị, địa phương đã thực hiện tốt việc xây dựng tiêu chuẩn ISO để áp dụng trong hoạt động của đơn vị, địa phương mình, nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường phòng, chống tham nhũng;

Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn nhiều bất cập, khó khăn đó là:

- Kinh nghiệm về đấu tranh phòng, chống tham nhũng còn hạn chế; đội ngũ cán bộ, công chức đa phần được đào tạo trong nước, trình độ ngoại ngữ hạn chế, khả năng tiếp cận kinh nghiệm quốc tế về phòng chống tham nhũng thấp; nhiều nội dung trong Công ước còn tương đối mới đối với Việt Nam.

- Pháp luật Việt Nam tuy cơ bản phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, song vẫn chưa hoàn thiện; nhiều quy định của pháp luật còn chồng chéo, rườm rà, thiếu cụ thể, khó áp dụng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về tình hình tham nhũng và nguyên nhân

Với sự quyết tâm và cố gắng của cả hệ thống chính trị, kết quả công tác PCTN bước đầu đạt được những kết quả hết sức quan trọng; cấp uỷ, chính quyền các cấp và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước của tỉnh đã chủ động trong chỉ đạo, thực hiện công tác PCTN, tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra nhằm phòng ngừa và kịp thời phát hiện xử lý các hành vi tham nhũng; các ngành tư pháp đã tích cực điều tra, truy tố và đưa ra xét xử nghiêm các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, góp phần nâng cao kỷ cương pháp luật, củng cố lòng tin trong nhân dân.

Tuy nhiên, tình hình tham nhũng vẫn còn diễn biến phức tạp; hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi hơn, hành vi tham ô tài sản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cố ý làm trái chế độ chính sách, pháp luật để vụ lợi vẫn còn xảy ra ở nhiều lĩnh vực. Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là:

- Một bộ phận cán bộ, công chức suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, bị tác động của những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, cố ý làm trái chế độ, chính sách, pháp luật, những nhiễu để mưu cầu lợi ích, tham ô, nhận hối lộ.

- Công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trong thực thi công vụ có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo liên quan đến tham nhũng; chưa chủ động thực hiện công tác tự kiểm tra, thanh tra để phòng ngừa và xử lý tham nhũng.

2. Đánh giá chung về công tác PCTN

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được thường trực Tỉnh uỷ, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt, bước đầu đã mang lại hiệu quả tích cực và hết sức quan trọng; công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về PCTN được triển khai, thực hiện thường xuyên, phương pháp tuyên truyền phong phú; nhiều giải pháp phòng ngừa tham nhũng được chỉ đạo, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả; nhiều vụ việc tham nhũng được chỉ đạo xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật, góp phần ổn định tình hình, nâng cao uy tín của đảng, của nhà nước đối với nhân dân.

Hiệu lực pháp luật trong mọi lĩnh vực nói chung và lĩnh vực phòng, chống tham nhũng nói riêng từng bước được nâng lên; ý thức, trách nhiệm của cán bộ công chức, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị được đề cao; tình hình dư

luận xã hội, tâm tư, hành động của đại bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân đồng tình, ủng hộ công tác phòng, chống tham nhũng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PCTN vẫn còn những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, đó là:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tuy được quan tâm, bằng nhiều hình thức, nhưng vẫn thiếu tính hệ thống, chưa đảm bảo sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành của tỉnh; nội dung tuyên truyền chưa thật sự hấp dẫn; chưa tác động mạnh mẽ đến nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định của chính phủ là phù hợp, nhưng khi triển khai thực hiện ở địa phương gặp những khó khăn, vướng mắc, cụ thể: việc thực hiện về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức là cần thiết, nhưng khi áp dụng cho một số đối tượng gặp khó khăn, do đặc thù chuyên môn nghề nghiệp, không có vị trí chuyển đổi phù hợp, thiếu người thay thế; thời gian chuyển đổi theo quy định ngắn, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc; hiệu quả công tác kê khai, minh bạch tài sản chưa cao, vẫn còn trường hợp kê khai hình thức, đối phó, nhưng khó kiểm soát.

- Hoạt động kiểm tra, thanh tra phát hiện nhiều sai phạm về kinh tế, nhưng đấu tranh để chứng minh hành vi tham nhũng còn hạn chế; chuyển số vụ việc sang cơ quan điều tra xem xét, xử lý hình sự chưa nhiều. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng (Thanh tra, Công an, Tòa án, Viện kiểm sát) về cung cấp, trao đổi thông tin và phối hợp xử lý các vụ tham nhũng có lúc, có việc chưa thường xuyên và kịp thời.

- Việc tự kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị còn rất hạn chế, hầu như chưa có; ít vụ việc tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát định kỳ của các cơ quan chức năng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; số lượng thông tin, tố giác, tố cáo hành vi tham nhũng của quần chúng nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp chưa nhiều.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về PCTN, tập trung vào các điểm mới của Luật PCTN (sửa đổi, bổ sung). Nghị định số 59/2013/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật PCTN sửa đổi; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP của chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập, trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 16/4/2013, của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN và Công ước của Liên hợp quốc về PCTN trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân đến năm 2016”. Tổ chức thực hiện việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác PCTN trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-TTCP ngày 18/9/2014 của Thanh tra Chính phủ; nâng cao chất lượng chuyên mục PCTN trên Kênh truyền hình tỉnh và trên Báo Thanh Hoá; phối hợp, thực hiện tốt cuộc thi viết tìm hiểu về Luật Phòng, chống tham nhũng;

2. Thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, theo hướng rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hiệu quả; thực hiện tốt việc phân cấp, phân quyền, gắn với trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu; thực hiện tốt việc tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng;

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; tăng cường thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; đẩy mạnh hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án tham nhũng; thu hồi triệt để tài sản của nhà nước, tập thể, cá nhân bị chiếm đoạt và thất thoát liên quan đến tham nhũng;

4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí, truyền thông và ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong công tác PCTN; thực hiện tốt việc bảo vệ người tố cáo; biểu dương, khen thưởng kịp thời những tấm gương điển hình, tiên tiến trong công tác đấu tranh PCTN; có cơ chế nhằm động viên, khuyến khích việc cung cấp thông tin, tố giác hành vi tham nhũng;

5. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị không chấp hành nghiêm túc các quy định về thanh tra, giải quyết KNTC và PCTN.

V. KIẾN NGHỊ.

1. Đối với Trung ương.

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN; chỉ đạo hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về PCTN, nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả, đồng bộ, dễ áp dụng, đặc biệt là đối với một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định của Luật PCTN. Nghiên cứu để có quy định về việc tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo nặc danh hoặc giấu tên về tham nhũng; hoàn thiện, điều chỉnh quy định xử lý tài sản tham nhũng; điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn cụ thể hơn về việc thực hiện quy định chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ công chức theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP, Nghị định 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định thực hiện kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả hơn nguồn tài sản, thu nhập của cán bộ công chức, phòng ngừa tham nhũng; quy định việc công chức phải giải trình nguồn gốc tài sản khi có yêu cầu

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm quản lý hiệu quả các lĩnh vực kinh tế - xã hội phòng ngừa tham nhũng, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, như: quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, xây dựng cơ bản, quản lý thu, chi ngân sách, quản lý tài sản công, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, công tác tổ chức, cán bộ...; xây dựng chế độ, định mức, tiêu chuẩn phù hợp.

- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo đảm đời sống cho cán bộ, công chức; thực hiện chính sách tiền lương hợp lý trong một số lĩnh vực đặc thù.

- Tiếp tục chỉ đạo nhằm minh bạch hơn nữa trong các hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến tham nhũng, công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật; chỉ đạo xử lý kịp thời những vụ việc tham nhũng đã được phát hiện.

- Nâng cao vai trò giám sát của Quốc hội, tăng cường giám sát hoạt động PCTN, trước hết là giám sát hoạt động đối với các cơ quan có chức năng về PCTN.

- Quy định cụ thể việc xử lý các trường hợp lợi dụng tổ chức để bôi nhọ, vu khống, làm giảm uy tín của cán bộ, công chức và đảng viên.

2. Đối với Tỉnh ủy

- Tiếp tục chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 10/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí.

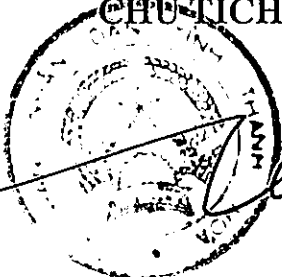
- Tăng cường công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra cấp ủy các cấp; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, đặc biệt đối với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng.

- Nâng cao vai trò của Ban Nội chính Tỉnh ủy trong công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện việc dự báo tình hình tham nhũng để có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đặc biệt là những cơ quan chức năng về phòng, chống tham nhũng tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử để phòng ngừa và xử lý tham nhũng./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TKLPCTN (B/cáo);
- Thanh tra Chính phủ (B/cáo);
- Bộ Tài chính (B/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/cáo);
- Cục Chống tham nhũng TTCP;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH


Nguyễn Đình Xứng



THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)
(Kèm theo Báo cáo số: 21 /BC-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

MS	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	575
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	377
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	176.430
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	1.148
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	58.848
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	1.347
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	121
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	562
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	218
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	129
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	81
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	72
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	21
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	5.869,4
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	4.961,7
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	964
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	716
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	4.890

	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	389
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	01
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	21
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	03
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	18
26a	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng	Người	14
26b	Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình	Yêu cầu	9
26c	Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình	%	90
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	41
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	80
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	14
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	22
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	916
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	636
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	18
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	41
	<i>Qua công tác kiểm toán</i>		
37	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ	0
38	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
39	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	64
40	Số bị can tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	159
	<i>Công tác truy tố tội phạm tham nhũng</i>		
41	Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố	Vụ	85
42	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ	Vụ	2
43	Số bị can tham nhũng đã bị truy tố	Người	157
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
44	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ,	Vụ	83

	<i>ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)</i>		
45	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	157
	Trong đó:		
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	93
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	35
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	26
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	3
46	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	71
47	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	149
48	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	2
49	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	3
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	6.312,98
	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	4.485,3
	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	1.827,68
	+ Đất đai	m ²	0
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
50	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
51	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	02
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Người	0
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương	Người	0
	+ Tặng Giấy khen	Người	02

Phụ lục số 02

Tình hình tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN
(Thời điểm 31/8/2015)

(Kèm theo Báo cáo số: 21 /BC-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Trong đó	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện, sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ, TC, ĐV) đang thực hiện chức năng PCTN	181	06	175
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN	06	04	02
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách	175	02	173
2	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước	47	01	46
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN	47	01	46
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách	0	0	0
3	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc cơ quan công an	47	01	46
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN	47	01	46
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách	0	0	0
4	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc viện kiểm sát nhân dân	47	01	46
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN	47	01	46
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách	0	0	0
5	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc toà án nhân dân	47	01	46
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN	47	01	46
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách	0	0	0
6	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc Kiểm toán Nhà nước	01	01	0
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN	0	0	0
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách	01	01	0
7	Số CQ, TC, ĐV khác thực hiện chức năng PCTN	57	03	54
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN	0	0	0
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách	57	03	54
8	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN	1.352	288	1.064
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN	71	71	0
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm	1.281	217	1.064
9	Tổng số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ	301	52	249

	vụ về PCTN thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước			
	Trong đó: + CB, CC, VC chuyên trách PCTN	07	07	0
	+ CB, CC, VC kiêm nhiệm	294	45	249
10	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc cơ quan công an	470	115	355
	Trong đó: + CB, CC, VC chuyên trách PCTN	31	31	0
	+ CB, CC, VC kiêm nhiệm	439	84	355
11	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Viện KSND	265	53	212
	Trong đó: + CB, CC, VC chuyên trách PCTN	12	12	0
	+ CB, CC, VC kiêm nhiệm	253	41	212
12	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Tòa án nhân dân	213	47	165
	Trong đó: + CB, CC, VC chuyên trách PCTN	11	11	0
	+ CB, CC, VC kiêm nhiệm	201	36	165
13	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Kiểm toán Nhà nước	0	0	0
	Trong đó: + CB, CC, VC chuyên trách PCTN	0	0	0
	+ CB, CC, VC kiêm nhiệm	0	0	0
14	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khác đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN	103	42	61
15	Số CB, CC, VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng chưa được đào tạo phù hợp với nhiệm vụ về PCTN đang đảm nhiệm	1.281	217	1.064
16	Số CB, CC, VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng không có chế độ đãi ngộ đặc thù	1.352	288	1.064

Phụ lục số 03

Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN

(Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)

(Kèm theo Báo cáo số: 21/BC-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Kết quả của cơ quan thanh tra	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện, sở
1	Số cuộc thanh tra theo kế hoạch	442	56	386
2	Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch	42	0	42
3	Số cuộc thanh tra đã triển khai	437	56	381
4	Số cuộc kiểm tra đã triển khai	36	0	36
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra	1.147	182	965
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra	392	0	392
7	Số cuộc thanh tra đã có kết luận	437	56	381
	Số cuộc kiểm tra đã có kết luận	36	0	36
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc:			
	- Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN	60	21	39
	- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN	47	26	21
	- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN	0	0	0
9	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau):			
	- Công khai, minh bạch trong mua sắm công	16	3	13
	- Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng	11	2	09
	- Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước	24	1	23
	- Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân	11	2	09
	- Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ	4	0	04
	- Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công	11	2	09
	- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ	4	3	01

	- Trách nhiệm cung cấp thông tin	0	0	0
	- Cải cách thủ tục hành chính	8	4	04
	- Đổi mới công nghệ quản lý	7	7	0
	- Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn	43	3	40
	- Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn	29	2	27
	- Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức	191	21	170
	- Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán	70	3	67
	- Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước	13	0	13
	- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN	6	6	0
10	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập	1	1	0
11	Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập	1	1	0
12	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng	0	0	0
13	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng	0	0	0
14	Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức	721	5	716
15	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử	648	5	643
16	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng	3	0	03
17	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng	12	0	12
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN	16	0	16

NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG
 (Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên văn bản	Quy định có vướng mắc, bất cập	Phân tích cụ thể những vướng mắc, bất cập	Nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung
1	Luật phòng, chống tham nhũng	1. Điều 1	1. Quy định hành vi tham nhũng chỉ xảy ra ở lĩnh vực công (có liên quan đến tài sản của Nhà nước) là chưa đủ. Thực tế cho thấy, trong khu vực tư cũng có việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của tập thể, cá nhân.	1. Mở rộng nội hàm của khái niệm tham nhũng, không chỉ ở lĩnh vực công mà cả ở lĩnh vực ngoài nhà nước.
		2. Điều 2 khoản 1: “Tài sản tham nhũng là tài sản có được từ hành vi tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng”	2. Theo quy định này, để kết luận tài sản của một người có được do tham nhũng thì phải chứng minh người đó có hành vi tham nhũng (tức là bị kết án về tham nhũng). Nhưng từ khi phát hiện để tiến hành điều tra đến khi kết án phải trải qua một thời gian dài, người phạm tội và thân nhân của họ có đủ thời gian để tẩu tán tài sản, dẫn đến khó thu hồi lại tài sản bị thất thoát. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra khó khăn cho công tác thu hồi tài sản tham nhũng trong thời gian qua.	2. Xây dựng lại khái niệm tài sản tham nhũng theo hướng “tài sản tham nhũng là tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng”, bỏ từ “hành vi”. Quy định như vậy để tạo cơ chế ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng ngay từ khi có dấu hiệu tham nhũng. Theo đó, các cơ quan thanh tra, điều tra hình sự có quyền đề nghị các cơ quan chức năng niêm phong, phong tỏa tài sản có nguồn gốc tham nhũng ngay từ đầu chứ không nhất thiết phải đợi đến khi có bản án của Tòa án.
		3. Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn	3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn đều thực hiện quản lý nhà nước trên	3. Cần quy định cụ thể cơ quan chuyên trách riêng thực hiện công tác PCTN.

			các lĩnh vực kinh tế, xã hội nhưng lại quy định trực tiếp thực hiện công tác PCTN là thiếu khách quan.	
2	Bộ luật hình sự	Mục A, chương XXI - Các tội phạm về tham nhũng	1. Thiếu sót trong việc hình sự hóa các hành vi tham nhũng.	1. Bổ sung một số tội danh về tham nhũng cho phù hợp với các quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng.
			2. Nhiều quy định chung chung, khó xác định và vận dụng trên thực tế, như: gây hậu quả nghiêm trọng khác, rất nghiêm trọng khác, đặc biệt nghiêm trọng khác.	2. Quy định cụ thể, rõ ràng hơn.
		Điều 279. Tội nhận hối lộ	- Khi tham gia Công ước Liên hợp quốc về PCTN nhận thấy có vướng mắc, bất cập như: Không quy định rõ, đầy đủ các hành vi nhận hối lộ và giá trị tài sản nhận hối lộ được quy ra bằng tiền là bao nhiêu thì phạm tội nhận hối lộ. - Khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt tù có thời hạn quá dài.	- Theo yêu cầu của Công ước Chống Tham nhũng thì hành vi nhận hối lộ bao gồm: gạ gẫm người khác đưa hối lộ, nhận hối lộ,... vì vậy, để đáp ứng yêu cầu của Công ước thì cần đưa hành vi đòi hối lộ từ “cầu thành” tăng nặng lên “cầu thành cơ bản” và quy định cụ thể giá trị tài sản nhận hối lộ được quy ra bằng tiền là bao nhiêu. - Cần rút ngắn khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa.

Phụ lục số 5

**CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ TỔNG
KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

(Kèm theo Báo cáo số: 24/BC-UBND ngày 07/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Số điểm tự chấm

- Quán triệt kế hoạch tổ chức đúng thời hạn: 10/10 điểm;
- Gửi dự thảo báo cáo đúng thời hạn: 10/10 điểm;
- Tổ chức Hội nghị tổng kết đúng thời hạn: 05/10 điểm;
- Chất lượng hội nghị tổng kết: 09/10 điểm;
- Gửi báo cáo tổng kết đúng thời hạn: 05/10 điểm;
- Chất lượng báo cáo tổng kết: 44/50 điểm;

Trong đó:

- + Phân tích, đánh giá rõ về công tác PCTN: 09/10 điểm;
- + Phân tích đánh giá rõ về tình hình tham nhũng: 09/10 điểm;
- + Phát hiện nhiều vướng mắc, bất cập và kiến nghị sửa đổi chính sách, pháp luật về PCTN: 18/20 điểm;
- + Kiến nghị rõ những giải pháp mới, đột phá: 08/10 điểm.

2. Đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ tổng kết

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổng kết: Đạt từ 90 điểm trở lên;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ tổng kết: Đạt từ 70 đến 89 điểm;
- Hoàn thành nhiệm vụ tổng kết: Đạt từ 50 đến 69 điểm;
- Không hoàn thành nhiệm vụ tổng kết: Đạt dưới 50 điểm.

Tự chấm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ tổng kết (83 điểm) -/.